

## THÔNG CÁO BÁO CHÍ

### Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên năm 2024

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp; cạnh tranh chiến lược gay gắt, xung đột quân sự leo thang ở một số quốc gia, khu vực, tiềm ẩn nguy cơ đe dọa sự ổn định, phát triển toàn cầu; Tuy nhiên về những tháng cuối năm tình hình kinh tế thế giới đã có những tín hiệu khởi sắc khi ngân hàng Trung ương Châu Âu, Cục Dự trữ Liên Bang Mỹ đã hạ lãi suất sau thời gian dài duy trì ở mức cao. Đa số các tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan hơn về tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 giữ nguyên hoặc điều chỉnh tăng nhẹ so với các dự báo đưa ra trước đó, cụ thể: OECD dự báo (GDP toàn cầu tăng 3,2%), IMF (tăng 3,2%), EU (tăng 3,2%), FR (tăng 2,8%), UN (tăng 2,7%). Theo báo cáo “Triển vọng phát triển châu Á” của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), tăng trưởng của khu vực Đông Nam Á (bao gồm Timo-Leste) dự báo đạt 4,7% trong năm 2024 nhờ xuất khẩu và chi tiêu công mạnh hơn ở các nền kinh tế trong khu vực.

Trong nước, nền kinh tế tiếp tục phục hồi ổn định. Hoạt động thương mại mạnh mẽ, ngành chế biến chế tạo phục hồi nhờ xuất khẩu tăng và các chính sách kích thích tài khóa. Sự phục hồi mạnh mẽ của sản xuất và thương mại định hướng xuất khẩu, được hỗ trợ bởi sự phục hồi tích cực của nền kinh tế Hoa Kỳ, dự kiến sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng GDP. Đầu tư công tăng tốc và các chính sách tài khóa và tiền tệ thích ứng sẽ tiếp tục kích thích nhu cầu trong nước. Bất chấp những tác động nghiêm trọng do bão Yagi gây ra ở nhiều nơi trên cả nước, phản ứng nhanh chóng của chính phủ và những nỗ lực phục hồi đã hạn chế được tác động tiêu cực đến tăng trưởng. Theo ADB tăng trưởng của Việt Nam được dự báo cao nhất khu vực Đông Nam Á, đạt 6,4%.

Trên địa bàn tỉnh, nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp với phương châm “Kỷ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo, hiệu quả bền vững” cùng sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp nên tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh diễn ra trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, các hoạt động kinh tế cơ bản ổn định và có bước tăng trưởng, một số lĩnh vực đạt mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ; an sinh xã hội được đảm bảo; quốc phòng an ninh được tăng cường, ổn định. Dự ước năm 2024 có 14/17 chỉ tiêu vượt và đạt kế hoạch, trong đó có 05 chỉ tiêu vượt kế hoạch; 03/17 chỉ tiêu không đạt kế hoạch. Cụ thể như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024	Ước tính 2024	Ước tính so với kế hoạch
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP)	%	7,5	6,17	Không đạt
	<i>Trong đó: + Nông - lâm - thủy sản</i>	%	3,7	4,26	
	<i>+ Công nghiệp, xây dựng</i>	%	9,9	7,48	
	<i>+ Dịch vụ</i>	%	8,0	6,39	
	<i>+ Thuế sản phẩm</i>	%	6,0	4,94	
2	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	285	333,4	Vượt KH
3	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	24.500	21.800,7	Không đạt
4	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	5.389	5.447	Vượt KH
5	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí NTM	%	78	78	Đạt
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	78	78,02	Vượt KH
7	Giải quyết việc làm	Lao động	25.500	27.050	Vượt KH
8	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH	%	20	20	Đạt
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	0,85	0,78	Không đạt
10	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	94,05	94,20	Vượt KH
11	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	%	< 24	<22,2	Đạt
12	Điều chỉnh mức sinh	Điểm ‰	+ 0,05	+0,05	Đạt
13	Tỷ lệ che phủ rừng	%	47,5	47,5	Đạt
14	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh <i>Trong đó: Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn</i>	%	Cơ bản 100  ≥ 60	~100  ≥ 60	Đạt
15	Tỷ lệ dân cư thành thị được cung cấp nước sạch	%	94	94	Đạt
16	Tỷ lệ KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	Đạt
17	Tỷ lệ giao quân	%	100	100	Đạt

## I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

### 1. Tăng trưởng kinh tế trên địa bàn (GRDP)

Năm 2024, GRDP (theo giá so sánh 2010) ước tính tăng 6,17%<sup>(1)</sup> so với năm trước, xếp vị thứ 51 so với 63 tỉnh, thành phố; xếp vị thứ 12/14 tỉnh, thành phố khu vực miền Trung<sup>(2)</sup> từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Trong đó:

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,26%, đóng góp 0,97 điểm phần trăm. Lúa vụ đông xuân và hè thu được mùa, năng suất lúa tăng kết hợp với giá thị trường lúa gạo tăng; hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục phát triển, tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm cơ bản được kiểm soát; sản lượng gỗ rừng trồng khai thác tăng 3,7%; sản lượng thủy sản tăng 4,1%.

- Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,48%, đóng góp 2,27 điểm phần trăm, cụ thể: Công nghiệp tăng 7,45%<sup>(3)</sup> đóng góp 1,47 điểm phần trăm, nhờ quyết liệt triển khai đồng bộ những giải pháp tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, đồng thời các doanh nghiệp cũng tập trung sản xuất kinh doanh tìm kiếm thị trường để duy trì và phát triển; xây dựng tăng 7,52% đóng góp 0,79 điểm phần trăm, trong đó dự án công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam 1.107,9 tỷ đồng, tăng 14,6% và chiếm 31,44% trong tổng giá trị tăng thêm ngành xây dựng.

- Khu vực dịch vụ tăng 6,39% đóng góp 2,71 điểm phần trăm, hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh phát triển và tăng trưởng khá. Các ngành có mức tăng cao hơn mức tăng trưởng chung so với năm trước: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 8,0%; vận tải kho bãi tăng 8,83%; thông tin và truyền thông tăng 7,2%; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 17,41% là ngành có mức tăng cao nhất trong nhóm ngành dịch vụ; hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị- xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc tăng 7,21%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 13,86%; nhóm ngành tăng thấp nhất là hoạt động kinh doanh bất động sản chỉ tăng 1,61%.

- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 4,94% đóng góp 0,22 điểm phần trăm, tăng thấp do trên địa bàn tỉnh hiện nay chưa có nhiều doanh nghiệp chủ lực, quy mô lớn để tạo đột phá về thu ngân sách, tiếp tục áp dụng chính sách điều chỉnh mức thuế bảo vệ môi trường với xăng, dầu, mỡ nhờn nhằm góp phần bình ổn giá xăng dầu trong nước.

Cơ cấu tổng sản phẩm ước năm 2024 theo giá hiện hành, tỷ trọng nông lâm nghiệp - thủy sản chiếm 23,59%, giảm 0,69 điểm phần trăm; công nghiệp - xây dựng chiếm 29,29%, tăng 0,35 điểm phần trăm; dịch vụ chiếm 42,83%, tăng 0,39 điểm

<sup>1</sup> Nếu không tính công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 qua tỉnh Phú Yên, thì GRDP ước tính năm 2024 tăng 5,90% so với năm trước.

<sup>2</sup> Tốc độ tăng GRDP năm 2024 so với năm trước của một số tỉnh như: Thanh Hóa 12,16%; Khánh Hòa 10,16%; Nghệ An 9,01%; Ninh Thuận 8,74%; Thừa Thiên - Huế 8,15%; Bình Định 7,78%; Đà Nẵng 7,51%; Hà Tĩnh 7,48%; Bình Thuận 7,25%; Quảng Bình 7,18%; Quảng Nam 7,09%; Quảng Trị 5,97%; Quảng Ngãi 4,07%.

<sup>3</sup> Trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 8,38%; chế biến, chế tạo tăng 7,18%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 7,69%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,52% so với năm trước.

phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,29% trong tổng số, giảm 0,05 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

GRDP bình quân đầu người năm 2024 ước đạt 70,7 triệu đồng, tăng 8,37% so với năm 2023.

## **2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 (theo giá so sánh năm 2010) ước tính 14.485,6 tỷ đồng, tăng 4,2% so với năm trước và vượt 1,1% so với kế hoạch năm 2024). Trong đó: Nông nghiệp 9.201,1 tỷ đồng, tăng 4,2%; lâm nghiệp 560,7 tỷ đồng, tăng 10,9%; thủy sản 4.723,8 tỷ đồng, tăng 3,4%.

### **2.1. Nông nghiệp**

Cây lương thực có hạt gieo trồng 58,5 nghìn ha, giảm 0,5%; sản lượng ước đạt hơn 413,5 nghìn tấn, tăng 2,1% so với năm 2023. Trong đó: Diện tích lúa gần 55 nghìn ha, giảm 0,4%; năng suất 71,9 tạ/ha, tăng 2,1%; sản lượng đạt 394,9 nghìn tấn, tăng 2,1%. Diện tích ngô 3.603,9 ha, giảm 1,6%, năng suất 51,8 tạ/ha, tăng 3,3%, sản lượng 18,7 nghìn tấn, tăng 1,6% so với năm trước.

Cây mía diện tích ước đạt 29.154,6 ha, tăng 11,3%, năng suất 668,1 tạ/ha; sản lượng 1.947,7 nghìn tấn, tăng 13,3% so với năm trước.

Tổng diện tích các loại cây lâu năm hiện có 13.256,8 ha, giảm 3,1%. Trong đó: Diện tích cây ăn quả 6.907,3 ha, giảm 2,7%; cao su 3.771,7 ha, giảm 8%; dừa 1.447,2 ha, giảm 4,3%, điều 100,9 ha, giảm 18,6%, hồ tiêu 571,5 ha, tăng 11,6%, cà phê 254,4 ha, tăng 88,6%; sầu riêng tăng 276,8 ha; mắc ca tăng 58 ha so với năm trước.

Hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì phát triển. Đàn bò 157,6 nghìn con, giảm 0,9%; trâu 5,1 nghìn con, giảm 4,1%; lợn 148,4 nghìn con, tăng 0,1%; gia cầm 4,6 triệu con, tăng 1,8% so với năm trước. Sản lượng trâu bò xuất chuồng năm 2024 ước đạt 17,5 nghìn tấn, giảm 0,8%; sản lượng lợn xuất chuồng 21,1 nghìn tấn, tăng 2,8%; sản lượng gia cầm giết bán 18,6 nghìn tấn, tăng 2,1% so với năm trước.

### **2.2. Lâm nghiệp**

Diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 7.000 ha, bằng 94,2%, trồng cây phân tán 4,5 triệu cây, đạt 100% kế hoạch năm và tăng 20% so với năm trước. Chăm sóc rừng trồng 21.000 ha, giảm 5,7%, diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh 760 ha, đạt 55,5% kế hoạch năm và tăng 18,2% so năm trước. Diện tích rừng được giao khoán bảo vệ 58,8 nghìn ha, tăng 99,4% so với năm trước. Gieo ươm và chăm sóc 29 triệu cây giống, tăng 4,3% so với năm trước. Sản lượng gỗ rừng trồng khai thác ước tính 437 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 0,7%; sản lượng củi khai thác 128,2 nghìn ster, tăng 1,6% so với năm trước.

### **2.3. Thủy sản**

Sản lượng thủy sản đạt 87.118 tấn tăng 4,1%, trong đó: Cá các loại 63.152 tấn, tăng 3,1%; tôm 16.170 tấn, tăng 8,2%; thủy sản khác 7.796 tấn, tăng 4,3%; chia ra: Sản lượng khai thác thủy sản đạt 68.428 tấn, tăng 3,4%; trong đó: Cá ngừ đại dương 3.737 tấn, chiếm 6,1% trong tổng sản lượng cá khai thác biển, tăng

21,6% so năm trước. Sản lượng nuôi trồng 18.690 tấn, tăng 6,9%, trong đó: Cá các loại 1.950 tấn, giảm 1,8%; tôm 15.640 tấn, tăng 8,3% (tôm sú 250 tấn, tăng 6,3 %; tôm thẻ chân trắng 13.130 tấn, tăng 7,6%; tôm hùm 2.260 tấn, tăng 13,6%); thủy sản khác 1.100 tấn, tăng 4,7% so với năm trước.

#### **2.4. Chương trình xây dựng nông thôn mới**

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện. Đến nay, toàn tỉnh có 64/82 xã nông thôn mới<sup>(4)</sup> (đạt 78%), trong đó có 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 02 xã nông thôn mới kiểu mẫu sản xuất, 27 thôn/khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, 32 vườn mẫu nông thôn mới và 04 thôn nông thôn mới thông minh, duy trì 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Tích cực triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), đến nay toàn tỉnh có 377 sản phẩm OCOP (trong đó có 10 sản phẩm OCOP 4 sao và 367 sản phẩm OCOP 3 sao).

### **3. Sản xuất công nghiệp**

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2024 tăng 7,3% so với năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 8,3%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,3%; ngành sản xuất, phân phối điện, hơi nước tăng 7,1%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải tăng 8,8% so với năm trước. Một số ngành công nghiệp cấp II có chỉ số sản xuất tăng như: Sản xuất đồ uống tăng 0,4%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tre, nứa tăng 7,4%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 11,1%; sản xuất hóa chất và sản phẩm từ hóa chất tăng 11,3%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 18,1%; sản xuất kim loại đúc sẵn tăng 20,9%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 25,3%; sản xuất trang phục tăng 14,2% so với năm trước.

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2024 tăng 14,6% so với năm trước, một số ngành công nghiệp cấp II có chỉ số tiêu thụ tăng so với năm trước như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 44,2%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 23%; sản xuất trang phục tăng 16,8% và sản phẩm từ cao su và plastic tăng 14,8% so với năm trước.

Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu: Điện thương phẩm đạt 1.260 triệu kwh, tăng 14,5% so với năm trước; đá xây dựng các loại 1.020 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 13,7%; tinh bột sắn 106.000 tấn, tăng 11,6%; đường kết tinh các loại 165.512 tấn, tăng 11,2%; linh kiện điện tử 970 triệu sản phẩm, tăng 10,9%; hải sản chế biến các loại 21.000 tấn, tăng 10,5%; điện sản xuất 2.650 triệu kwh, tăng 8,2%; quần áo xuất khẩu các loại 19,8 triệu sản phẩm, tăng 6,8%; thuốc chữa bệnh 2.350 triệu viên, tăng 6,8%; nhân hạt điều 19.700 tấn, tăng 6,5%; nước uống được ước đạt 15,5 triệu m<sup>3</sup>, tăng 5,8%.

### **4. Hoạt động của doanh nghiệp**

#### **4.1. Tình hình đăng ký kinh doanh**

<sup>4</sup> Do xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa nhập vào Phường 1, thành phố Tuy Hòa theo Nghị quyết số 1200/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2023 - 2025.

Tính từ đầu năm đến ngày 25/12/2024 trên địa bàn tỉnh có 460 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, đạt 92% so với kế hoạch, giảm 6,7% so với cùng kỳ năm trước. Tổng số vốn đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp là 3.071,9 tỷ đồng, giảm 40,5% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký kinh doanh bình quân 01 doanh nghiệp đạt 6,7 tỷ đồng/doanh nghiệp. Số doanh nghiệp đăng ký quay trở lại hoạt động trước thời hạn là 195 doanh nghiệp, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước. Toàn tỉnh, có 356 doanh nghiệp được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận hồ sơ tạm ngừng kinh doanh, tăng 0,84% và 190 doanh nghiệp giải thể, tăng 62,4% so với cùng kỳ năm trước

#### ***4.2. Xu hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo***

Kết quả điều tra về xu hướng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp chế biến, chế tạo:

Về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý IV/2024 so với quý trước có 39,53% doanh nghiệp đánh giá tăng, số doanh nghiệp đánh giá giảm là 25,58%. Về khối lượng sản xuất của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý IV/2024 so với quý trước có 32,56% doanh nghiệp đánh giá tăng, số doanh nghiệp đánh giá giảm là 20,93%. Về số lượng đơn đặt hàng mới của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý IV/2024 so với quý trước có 32,5% doanh nghiệp đánh giá tăng, số doanh nghiệp đánh giá giảm là 20%. Về số lượng lao động bình quân của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý IV/2024 so với quý trước có 6,98% doanh nghiệp đánh giá tăng và có 6,98% số doanh nghiệp đánh giá giảm.

### **5. Hoạt động thương mại, dịch vụ**

#### ***5.1. Tình hình lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ xã hội***

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024 ước tính 55.341,4 tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm trước. Doanh thu bán buôn hàng hóa ước đạt 28.505,1 tỷ đồng, tăng 11,4%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa 44.055,8 tỷ đồng, tăng 10,8% so năm trước, tăng ở tất cả các nhóm ngành hàng, cụ thể: Lương thực, thực phẩm tăng 14,5%; hàng may mặc tăng 8,8%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 4%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 12,9%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 6,3%; ô tô các loại tăng 6,2%; phương tiện đi lại tăng 10,6%; xăng dầu các loại tăng 3%; nhiên liệu khác tăng 13%; đá quý, kim loại quý tăng 0,5%; hàng hóa khác tăng 4,9%; sửa chữa xe có động cơ tăng 12,7%.

Doanh thu ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành 8.438 tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm trước, trong đó: Doanh thu lưu trú 870,5 tỷ đồng, tăng 20,8%; doanh thu ăn uống 7.553,8 tỷ đồng, tăng 11,2%; doanh thu hoạt động lữ hành 13,7 tỷ đồng, gấp 2 lần so với năm trước.

Lượt khách do các đơn vị lưu trú phục vụ 2,42 triệu lượt khách, tăng 17,1% so với năm trước (trong đó có 1,84 triệu lượt khách ngủ qua đêm, tăng 20,2%, với 21.188 lượt khách quốc tế có ngủ qua đêm, tăng 45,2%).

Tổng lượt khách du lịch 4,08 triệu lượt, đạt 120% so với kế hoạch năm, tăng 27,5% so với năm trước, trong đó khách quốc tế đạt 30.020 lượt, đạt 150% so với kế hoạch năm, tăng 52% so với năm trước; Tổng thu từ khách du lịch 8.049,7 tỷ đồng, đạt 110,7% so với kế hoạch năm, tăng 63,6% so với năm trước. Toàn tỉnh có 480 cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch, tăng 50 cơ sở so với năm trước (trong đó có 01 khách sạn 5 sao, 01 khách sạn 4 sao, 05 khách sạn 3 sao, 04 khách sạn 2 sao, 30 khách sạn 1 sao, 80 khách sạn, 90 nhà nghỉ và 31 homestay); tổng số buồng lưu trú du lịch hiện có khoảng 7.980 buồng, trong đó có khoảng 670 buồng đạt tiêu chuẩn 3 - 5 sao<sup>5</sup>.

Doanh thu ngành dịch vụ khác 2.847,6 tỷ đồng, tăng 20,6% so với năm trước, trong đó: Dịch vụ kinh doanh bất động sản tăng 2,4%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 47,4%; dịch vụ giáo dục và đào tạo tăng 12,8%; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 24%; dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 26,4%; dịch vụ sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình tăng 17,6%; dịch vụ khác tăng 10,2%.

## **5.2. Vận tải**

Doanh thu ngành vận tải, kho bãi năm 2024 ước tính 4.978,4 tỷ đồng, tăng 10,8% so với năm trước; trong đó: Doanh thu vận tải hành khách 798,6 tỷ đồng, tăng 18,5%; doanh thu vận tải hàng hóa 4.146,9 tỷ đồng, tăng 10,6%; kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 24,8 tỷ đồng, giảm 60%; dịch vụ bưu chính, chuyển phát 8,1 tỷ đồng, giảm 23,8%.

Khối lượng hành khách vận chuyển đường bộ ước tính 9.955,7 nghìn lượt khách, tăng 5,9%; khối lượng hành khách luân chuyển đường bộ 960.390,2 nghìn lượt khách.km, tăng 15,1%. Khối lượng hàng hóa vận chuyển đường bộ 12.062,3 nghìn tấn, tăng 4,5%; khối lượng hàng hóa luân chuyển đường bộ 1.018.744,4 nghìn tấn.km, tăng 12,1% so với năm trước.

Vận tải hàng không, lượng hành khách qua Cảng hàng không Tuy Hòa ước tính 327.132 lượt khách, giảm 30,19%; vận tải đường sắt, lượng hành khách lên tàu tại các Ga trên địa bàn tỉnh đạt 144.679 lượt khách, tăng 16,7%; vận tải đường biển, lượng hàng hóa thông qua cảng Vũng Rô 159.000 tấn, tăng 1,27% so với năm trước.

## **6. Xuất, nhập khẩu**

Tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm 2024 ước thực hiện 333,4 triệu USD, đạt 117% kế hoạch năm, tăng 18,9% so với năm trước. Các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với năm trước gồm: Sản phẩm gỗ đạt 31,8 triệu USD, tăng 35,9%; hải sản các loại đạt 163,69 triệu USD, tăng 19,2%; nhân hạt điều đạt 9,96 triệu USD, tăng 16,2%; kính đạt 12,2 triệu USD, tăng 9,4%; quần áo may sẵn đạt 53,6 triệu USD, tăng 8,5%; linh kiện điện tử đạt 38,38 triệu USD, tăng 7,7%.

Tổng kim ngạch nhập khẩu cả năm 2024 ước thực hiện 191,26 triệu USD, đạt 100,7% kế hoạch năm, tăng 13% so với năm trước. Kim ngạch nhập khẩu

<sup>5</sup> Nguồn số liệu theo báo cáo Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

một số mặt hàng tăng so với năm trước như: Hóa chất đạt 36,56 triệu USD, tăng 21,9%; máy móc thiết bị phụ tùng đạt 30,63 triệu USD, tăng 13,4%; vải và phụ liệu may mặc đạt 46,95 triệu USD, tăng 80,6%; hạt điều thô đạt 10 triệu USD, gấp 5,9 lần.

## **7. Bưu chính, viễn thông**

Doanh thu lĩnh vực bưu chính viễn thông năm 2024 ước tính khoảng 1.215,3 tỷ đồng, tăng 3% so với năm trước. Số vị trí trạm BTS 1.377 trạm, tăng 72 trạm (tăng 5,5%) so với năm trước.

Số thuê bao điện thoại di động ước tính 957.418 thuê bao, tăng 0,6% so năm trước, đạt 108,2 thuê bao/100 dân; thuê bao điện thoại cố định 11.799 thuê bao, giảm 4,1%, đạt 1,3 thuê bao/100 dân; thuê bao Internet (tính cả internet băng rộng di động và băng rộng cố định) 821.548 thuê bao, tăng 11,3%, đạt 92,8 thuê bao/100 dân.

## **8. Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm**

### **8.1. Thu, chi ngân sách Nhà nước**

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện năm 2024 là 5.447 tỷ đồng, cùng đạt 101,1% DTTW và dự toán tính giao, bằng 129,7% so với thực hiện năm trước. Trong đó:

Thu nội địa là 5.367 tỷ đồng, cùng đạt 100,7% DTTW và dự toán tính giao, bằng 129,9% so với thực hiện năm trước. Tổng thu nội địa không kể tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết là 3.382 tỷ đồng, cùng đạt 121,1% DTTW và dự toán tính giao, bằng 111,2% so với thực hiện năm trước.

Thuế xuất nhập khẩu là 80 tỷ đồng, cùng đạt 137,7% DTTW và dự toán tính giao, bằng 123,1% so với thực hiện năm trước.

Ước thực hiện chi NSĐP năm 2024 là 11.465 tỷ đồng, cùng đạt 103,4% DTTW và dự toán tính giao, bằng 120,4% so với thực hiện năm trước (trong đó: Chi đầu tư phát triển 3.772 tỷ đồng; chi thường xuyên 7.691 tỷ đồng).

### **8.2. Hoạt động ngân hàng**

Tăng cường triển khai, thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Tích cực triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân có cơ hội tiếp cận nguồn vốn tín dụng của ngân hàng để phát triển sản xuất kinh doanh. Kết quả hoạt động ngành Ngân hàng Phú Yên ước năm 2024 như sau: Tổng nguồn vốn huy động trên toàn địa bàn 47.253 tỷ đồng, tăng 13%; tổng dư nợ cho vay 55.220 tỷ đồng, tăng 11% so với cuối năm 2023; nợ xấu chiếm tỷ lệ khoảng 0,76% tổng dư nợ toàn địa bàn.

### **8.3. Hoạt động bảo hiểm**

Tổng số người tham gia BHXH năm 2024 là 85.320 người, tăng 2.795 người (tăng 3,4%) so với năm trước, tỷ lệ tham gia BHXH đạt 20,02% lực lượng lao động trong độ tuổi; tổng số người tham gia BHTN 55.681 người, tăng 1.270



người (tăng 2,3%); tổng số người tham gia BHYT 833.830 người, tăng 6.907 người (tăng 0,84%), tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 94,2% dân số toàn tỉnh.

Tổng số thu BHXH, BHYT, BHTN là 2.358.233 triệu đồng, đạt 109,5% kế hoạch BHXH Việt Nam giao, tăng 355.853 triệu đồng (tăng 17,8%) so với năm trước. Tổng số tiền chậm đóng phải tính lãi BHXH, BHTN, BHYT là 37.539 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,54% so với số phải thu.

## **9. Đầu tư và xây dựng**

### **9.1. Đầu tư**

Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh năm 2024 ước tính 21.800,7 tỷ đồng, bằng 89% kế hoạch năm, giảm 4,4% so với năm trước. Trong đó: Vốn Nhà nước trên địa bàn 11.107,9 tỷ đồng, tăng 6%; vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước 10.511 tỷ đồng giảm 12,5%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 181,8 tỷ đồng giảm 41,2% so với năm trước.

Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh có 01 dự án đầu tư nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với vốn đăng ký 2,7 triệu USD (Dự án Nhà máy sản xuất và xuất khẩu hạt điều của Công ty TNHH Olam Việt Nam). Lũy kế số dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh (còn hiệu lực) đến nay là 39 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư là 1.567,7 triệu USD.

### **9.2. Xây dựng**

Giá trị sản xuất ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh năm 2024 theo giá so sánh ước đạt 11.016,6 tỷ đồng, tăng 8,6% so với năm trước. Công trình nhà ở ước đạt 2.911,5 tỷ đồng, giảm 2,3%. Công trình nhà không ở ước đạt 1.494 tỷ đồng, giảm 4%. Công trình kỹ thuật dân dụng ước đạt 6.299,3 tỷ đồng, tăng 20,5%. Hoạt động xây dựng chuyên dụng ước đạt 311,8 tỷ đồng, giảm 18,7%.

## **10. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)**

CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với bình quân năm trước, tăng ở 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ, với các nhóm hàng có tác động chính đến CPI chung như: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,61% (tác động làm CPI chung tăng 1,21%); nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 8,41% so với cùng kỳ (tác động làm CPI chung tăng 1,43%); nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 9,14% so với cùng kỳ (tác động làm CPI chung tăng 0,56%) do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá gas, giá dịch vụ khám chữa bệnh, tiền công lao động tăng.

Giá vàng 99,99 bình quân năm 2024 là 7.455.000 đồng/chi; so với bình quân năm trước tăng 31,26%. Giá Đô la Mỹ bình quân năm 2024 là 25.155VND/USD so với bình quân năm trước tăng 4,84%.

## **11. Dân số và lao động**

Dân số trung bình sơ bộ năm 2024 là 885.161 người, trong đó: Nữ là 438.917 người. Dân số khu vực thành thị là 290.320 người, chiếm 32,8%; dân số khu vực nông thôn là 594.841 người, chiếm 67,2%.

Lực lượng lao động toàn tỉnh là 478.850 người; trong đó, nữ là 219.576 người. Lực lượng lao động khu vực thành thị là 151.710 người và khu vực nông thôn là 327.140 người.

Số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 468.214 người, chiếm 52,9% trên tổng số dân; trong đó, nữ là 214.488 người. Lao động khu vực thành thị là 148.238 người và khu vực nông thôn là 319.976 người.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi bình quân chiếm khoảng 2,22%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 2,28%, khu vực nông thôn là 2,19%.

## **12. Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội**

Thăm và tặng quà cho người có công tại các địa phương nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn; tặng quà cho thương bệnh binh, thân nhân liệt sĩ nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ <sup>(6)</sup>.

Huy động đóng góp vào Quỹ Đền ơn đáp nghĩa tỉnh trên 1 tỷ đồng, đã hỗ trợ kinh phí cho gia đình chính sách xây dựng mới 07 nhà, sửa chữa 52 nhà;...

Trong năm 2024, đã cấp 11.964 thẻ BHYT cho người nghèo; 29.774 thẻ BHYT cho người thuộc hộ cận nghèo, trong đó hộ cận nghèo là dân tộc thiểu số (DTTS) là 3.007 thẻ. Ngoài ra cấp trên 62.118 thẻ BHYT cho người thuộc hộ gia đình nông lâm ngư diêm nghiệp có mức sống trung bình; 32.672 thẻ BHYT cho người DTTS sống vùng khó khăn và 11.483 thẻ BHYT cho người dân đang sinh sống vùng đặc biệt khó khăn; 11.872 thẻ BHYT người DTTS thoát nghèo theo nghị định số 75/NĐ-CP của Chính phủ.

Năm 2024 hỗ trợ vốn vay phát triển sản xuất cho 1.154 hộ nghèo, 5.698 hộ cận nghèo, 8.671 hộ mới thoát nghèo; Hỗ trợ cho vay cho 5.150 học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt, với doanh số cho vay 929 tỷ đồng, đã tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo được vay vốn sản xuất, tăng thu nhập và giúp cho học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được an tâm, ổn định trong học tập.

Triển khai công tác hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ chính sách trên địa bàn tỉnh từ Chương trình xóa nhà ở tạm cho hộ nghèo từ nguồn Quỹ Vì người nghèo, ước thực hiện năm 2024 hỗ trợ 130 nhà với số tiền là 7,07 tỷ đồng.

## **13. Giáo dục, đào tạo**

Năm học 2024-2025, quy mô trường, lớp cơ bản giữ ổn định đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, toàn tỉnh có 357 trường mầm non và phổ thông (*quy mô không thay đổi so với năm học trước*), với 194.512 học sinh. Giáo dục thường xuyên 120 cơ sở, 04 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 03 cơ sở giáo dục đại học.

<sup>(6)</sup>Thăm, tặng 138.522 suất quà cho các gia đình chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và Ngày Thương binh - Liệt sĩ, với số tiền 43.834,9 triệu đồng, trong đó: Quà Chủ tịch nước tặng 33.491 suất, số tiền 10.117,8 triệu đồng; quà cấp tỉnh tặng 37.960 suất, số tiền 17.792,1 triệu đồng; các huyện, thị xã, thành phố trích ngân sách địa phương tặng 33.849 suất, số tiền 7.982,1 triệu đồng; các xã, phường, thị trấn còn trích ngân sách cấp xã tặng 18.983 suất, số tiền 1.499,6 triệu đồng; huy động thêm nguồn kinh phí xã hội hóa tặng 14.239 đối tượng, số tiền 6.443,3 triệu đồng.

Tỉ lệ học sinh Phú Yên tốt nghiệp THPT đạt 99,09%, tăng 1,24% so với năm 2023, là năm có tỷ lệ tốt nghiệp cao nhất trong 10 năm qua, trong đó: hệ giáo dục phổ thông đạt 99,5%; hệ giáo dục thường xuyên đạt 88,49%.

Tính đến ngày 15/12/2024, số trường đạt chuẩn gia còn trong thời hạn công nhận là 142/357 trường, đạt tỉ lệ 39,8%.

#### **14. Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân**

Tính từ 20/12/2023 đến ngày 19/12/2024 tình hình dịch bệnh như sau: Bệnh sốt xuất huyết phát hiện 128 ổ dịch, 2.382 ca mắc sốt xuất huyết, 01 ca tử vong; so với năm trước, số ổ dịch tương đương, số mắc tăng 0,9%, tử vong giảm 01 ca. Bệnh tay chân miệng 320 ca mắc, không tử vong; so với năm trước số mắc giảm 79,8%, tử vong giảm 02 ca. Sốt rét có 01 ca mắc, giảm 08 ca so với năm trước.

Chương trình tiêm chủng mở rộng, dự kiến đến cuối tháng 12/2024 đạt 95,1% số trẻ dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin phòng bệnh; số bà mẹ mang thai được tiêm phòng uốn ván 02 mũi đạt tỷ lệ 84,8%.

#### **15. Hoạt động thể dục thể thao**

Tổ chức thành công 12 giải thể thao cấp tỉnh. Phối hợp tổ chức thành công Giải vô địch quốc gia Marathon và cự ly dài Báo Tiền phong lần thứ 65; Giải vô địch trẻ và vô địch quốc gia môn Bóng chuyền bãi biển; Giải vô địch trẻ Karate quốc gia lần thứ XXX năm 2024; Ngày Quốc tế Yoga lần thứ 10 năm 2024 tại Phú Yên; Giải Vô địch Vovinam Miền Trung - Tây Nguyên lần thứ 02 năm 2024; Giải vô địch Bóng bàn vô địch các Câu lạc bộ quốc gia.

Tham gia thi đấu 33 giải thể thao quốc tế và quốc gia, gồm: 02 giải quốc tế; 31 giải quốc gia, đạt 80 huy chương các loại (08 vàng, 27 bạc và 45 đồng); 03 giải khu vực (cờ vua, karate và vovinam), đạt 68 huy chương các loại (20 vàng, 14 bạc, 34 đồng). Có 75 lượt vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia (41 kiện tướng, 34 cấp 1).

Đến nay, có 33,4% số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, 27,4% số gia đình tham gia hoạt động thể dục thể thao, 524 Câu lạc bộ thể dục thể thao.

#### **16. Tai nạn giao thông và phòng chống cháy nổ**

Lũy kế từ 15/12/2023 đến 14/12/2024, toàn tỉnh đã xảy ra 253 vụ tai nạn giao thông, giảm 04 vụ; làm chết 145 người, giảm 26 người; bị thương 167 người, giảm 07 người so với năm trước; thiệt hại tài sản 2.792,5 triệu đồng. Trong đó, tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 245 vụ, giảm 08 vụ; làm chết 139 người, giảm 29 người; bị thương 165 người, giảm 08 người bị thương so với cùng kỳ năm trước; thiệt hại tài sản 2.771,8 triệu đồng. Tai nạn giao thông đường sắt xảy ra 08 vụ, làm chết 06 người, làm bị thương 02 người, so với cùng kỳ năm trước tăng 04 vụ, tăng 03 người chết và tăng 01 người bị thương; thiệt hại tài sản 20,7 triệu đồng.

Lũy kế đến 14/12/2024 toàn tỉnh xảy ra 19 vụ cháy, giá trị thiệt hại khoảng 2.544,4 triệu đồng; 4,45 ha mía; 2,3 ha rẫy keo; 0,19 ha rừng trồng phi lao và một số tài sản khác của người dân.

### **17. Thiệt hại do thiên tai**

Lũy kế từ 01/01/2024 đến 25/12/2024 xảy ra 03 vụ thiên tai, giảm 01 vụ, giá trị thiệt hại 14.846 triệu đồng, giảm 65.340 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.

Tóm lại, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2024 đạt một số kết quả tích cực so với năm trước như: Tổng thu ngân sách Nhà nước tăng 29,7%; chăn nuôi gia súc, gia cầm không xảy ra các dịch bệnh nguy hiểm, đàn lợn tăng 0,1%, gia cầm tăng 1,8%; sản lượng gỗ rừng trồng khai thác tăng 0,7%; sản lượng thủy sản tăng 4,1%; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,3%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 11,5%; tổng doanh thu ngành vận tải tăng 10,8%. Các chế độ, chính sách cho các đối tượng theo quy định thực hiện đầy đủ, kịp thời, bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, cải cách hành chính được quan tâm thực hiện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại, hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội như: Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh chưa đạt kế hoạch đề ra; số doanh nghiệp thành lập mới giảm, doanh nghiệp giải thể tăng so cùng kỳ năm trước./.

**CỤC TRƯỞNG**

**Cao Đăng Viên**